TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 162/2022/DS-ST
Ngày: 31-5-2022.
V/v tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Hoàng.

2. Bà Phạm Thái Hoàng.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Tăng Tố Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 764/2020/DSST ngày 16 tháng 12 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1514/2022/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2216/2022/QĐST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Sài Gòn T

Trụ sở: 266 - 268 N, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lã Ngọc Minh, sinh năm 1970 là đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 351/2020/UQ-TTT ngày 26/05/2020).

Địa chỉ liên lạc: Lầu 8, 266-268 N, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Hoàng Minh T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: TK 6/15 V, phường Cầu Kho, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn - Ngân hàng TMCP S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) có ông Lã Ngọc Minh là đại diện theo ủy quyền trình bày trong quá trình tố tụng:

Ngày 30-5-2012, Ngân hàng TMCP S và ông Hoàng Minh T ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ vào thu nhập của Ông T, Ngân hàng đã đồng ý cấp 02 thẻ tín dụng gồm thẻ Visa Credit Classic 472074-3025; thẻ Family Local Credit 970403-4051 với hạn mức sử dụng chung là 15.000.000 đồng; mục đích tiêu dùng cá nhân; lãi suất vay 2.5%/tháng; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay Ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 70.060.789 đồng, cụ thể như sau:

Thẻ Visa Credit Classic 472074-3025 là 9.560.789 đồng; phí trễ hạn: 2.720.000 đồng; lãi: 13.734.321 đồng và phí: 1.277.000 đồng; Ông T đã trả được số tiền 14.565.000 đồng.

Thẻ Family Local Credit 970403-4051 là 60.500.000 đồng; phí trễ hạn: 3.040.000 đồng; lãi: 27.383.630 đồng; phí vượt hạn mức: 600.000 đồng; phí: 769.000 đồng; Ông T đã trả được số tiền 71.681.000 đồng.

Ông T đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền của 02 thẻ tín dụng nêu trên là 86.246.000 đồng (thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của bản điều khoản và điều kiện phát hành thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng Ông T không có thiện chí trả nợ. Do Ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo quy định tại Điều 23 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, cụ thể: thẻ Visa Credit Classic 472074-3025 là ngày 08-4-2017; thẻ Family Local Credit 970403-4051 là ngày 23-3-2017. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ đến ngày 08-4-2017 của thẻ tín dụng Visa Credit Classic 472074-3025 thành nợ gốc là 4.212.590 đồng; chuyển toàn bộ dư nợ đến ngày 23-3-2017 của thẻ tín dụng Family Local Credit 970403-4051 thành nợ gốc: 6.116.210 đồng và áp dụng lãi suất nợ quá hạn tính trên nợ gốc (bằng 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại). Kể từ ngày 08-4-2017 đối với thẻ Visa Credit Classic và kể từ ngày 23-3-2017 đối với thẻ Family Local Credit Ông T chỉ phải chịu khoản tiền lãi quá hạn mà không bị tính thêm các loại phí nào khác.

Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Hoàng Minh T thanh toán số tiền của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng còn lại tạm tính đến ngày 31-5-2022 là 33.338.740 đồng gồm: nợ gốc 10.328.800 đồng; nợ lãi: 23.009.940 đồng, cụ thể:

Thẻ Visa Credit Classic472074-3025: Nợ gốc: 4.212.590 đồng; nợ lãi: 8.514.520 đồng.

Thẻ Family Local Credit 970403-4051: Nợ gốc: 6.116.210 đồng; nợ lãi: 14.495.420 đồng). Ông T có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 01 tháng 6 năm 2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng. Thanh toán ngay khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật. Ngân hàng chỉ yêu cầu một mình Ông T có trách nhiệm thanh toán tiền sử dụng thẻ còn nợ, ngoài ra không yêu cầu ai cùng có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ dân sự.

Bị đơn - ông Hoàng Minh T: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật: Tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Giấy triệu tập để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập tham gia xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho ông Hoàng Minh T. Tuy nhiên, tại tất cả các buổi làm việc theo giấy triệu tập Ông T vắng mặt không lý do, không cung cấp văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục cấp tống đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát… được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và không có kiến nghị gì về tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng của các bên và Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Hoàng Minh T thanh toán số tiền của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng còn lại tạm tính đến ngày 31-5-2022 là 33.338.740 đồng (bao gồm nợ gốc 10.328.800 đồng; nợ lãi: 23.009.940 đồng) và lãi phát sinh sau ngày 31-5-2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].*Về pháp luật tố tụng:*

1.1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

1.1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T và bị đơn ông Hoàng Minh T giao kết hợp đồng tín dụng ngày 30-5-2012. Trong quá trình thực hiện hợp đồng do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ còn thiếu theo thỏa thuận của các bên.

Căn cứ kết quả xác minh ngày 24-9-2020 của Công an phường Cầu Kho, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh thì bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ TK6/15 V, phường Cầu Kho, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng thực tế không cư trú tại địa chỉ trên, hiện tại sinh sống tại 194/38 V, Phường 1, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh từ tháng 9 năm 2011 đến nay. Căn cứ kết quả xác minh ngày 13-3-2020 của Công an Phường 1, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh cho biết: Tại Phường 1, Quận 3 không có địa chỉ 194/38 V, Phường 1, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cũng không cung cấp được địa chỉ mới của bị đơn. Do đó có cơ sở xác định địa chỉ TK6/15 V, phường Cầu Kho, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh là địa chỉ ông T đã từng cư trú được thể hiện trong hợp đồng tín dụng các bên giao kết. Căn cứ khoản 3 Điều 5, điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì nguyên đơn đã ghi đúng và đầy đủ địa chỉ nơi cư trú của bị đơn được ghi trong hợp đồng.

Do đó, địa chỉ TK6/15 Võ Văn Kiệt, phường Cầu Kho, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh được xác định là nơi cư trú cuối cùng của bị đơn. Quan hệ tranh chấp được xác định là "Tranh chấp về hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1.2. Về tư cách đương sự:

Nguyên đơn - Ngân hàng TMCP S ủy quyền cho ông M tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; ông Minh đã có đơn đề ngày 10-5-2022 xin vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm; bị đơn là ông Hoàng Minh T mặc dù Tòa án đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để đảm bảo sự khách quan, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn nhưng bị đơn đã không đến Tòa tham gia tố tụng hoặc gửi văn bản trình bày, ý kiến, yêu cầu của mình đối với ý kiến, yêu cầu của nguyên đơn. Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, bị đơn tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không lý do. Do vậy Hội đồng tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1.3. Về chứng cứ:

Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn đã giao nộp các chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện gồm: Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ký kết giữa ông Hoàng Minh T và Ngân hàng... Đây là các tài liệu bản sao từ các tài liệu đang lưu giữ trong hồ sơ tại trụ sở của nguyên đơn. Đại diện nguyên đơn cam kết chịu trách nhiệm trước pháp

luật về sự xác thực của các tài liệu này. Trong quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng, trong đó có Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định của pháp luật. Do vậy, những tài liệu, chứng cứ này có giá trị chứng minh về quyền, nghĩa vụ của các đương sự.

[2]. *Về pháp luật nội dung:*

2.1. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc:

Căn cứ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ của Ngân hàng, có chữ ký xác nhận của ông Hoàng Minh T và đại diện Ngân hàng có cơ sở xác định ngày 30-5-2012 Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T đã cấp thẻ tín dụng cho Ông T 02 thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng chung là 15.000.000 đồng, mục đích để tiêu dùng cá nhân. Việc giao kết hợp đồng tín dụng ngày 30-5-2012 giữa Ngân hàng và Ông T là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên phát sinh hiệu lực.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, căn cứ Bảng tóm tắt sao kê các giao dịch đã thực hiện qua thẻ tín dụng và Bảng chi tiết giao dịch của khách hàng thể hiện sau khi được cấp thẻ tín dụng, Ông T đã thực hiện các giao dịch tạm tính đến ngày 31-5-2022 với tổng số tiền là 70.060.789 đồng, cụ thể với từng loại thẻ như sau:

Thẻ Visa Credit Classic 472074-3025 là 9.560.789 đồng; phí trễ hạn: 2.720.000 đồng; lãi: 13.734.321 đồng và phí: 1.277.000 đồng; Ông T đã trả được số tiền 14.565.000 đồng.

Thẻ Family Local Credit 970403-4051 là 60.500.000 đồng; phí trễ hạn: 3.040.000 đồng; lãi: 27.383.630 đồng; phí vượt hạn mức: 600.000 đồng; phí: 769.000 đồng; Ông T đã trả được số tiền 71.681.000 đồng.

Ông T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 86.246.000 đồng. Thứ tự thanh toán được quy định tại Điều 20 Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng theo lần lượt: Các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước, giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước, giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước, các khoản phí và/hoặc lãi trong kỳ, giao dịch rút tiền mặt trong kỳ, giao dịch mua hàng hóa trong kỳ. Do Ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 08-4-2017 ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ Visa Credit Classic 472074-3025 của Ông T và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu là 4.212.590 đồng sang nợ quá hạn; đồng thời chấm dứt quyền sử dụng thẻ Family Local Credit 970403-4051 từ ngày 23-3-2017 và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu là 6.116.210 đồng sang nợ quá hạn là phù hợp với thỏa thuận của các bên tại Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để bị đơn có văn bản trình bày ý kiến và cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh cho việc đã thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng, tuy nhiên dựa theo bảng sao kê lịch sử thanh toán do Ngân hàng cung cấp,

không có chứng cứ nào cho thấy Ông T đã thanh toán số tiền nợ cho Ngân hàng. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 91, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017 có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Hoàng Minh T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc còn lại của 02 thẻ tún dụng là 10.328.800 đồng.

2.2. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán nợ lãi:

Căn cứ Thông báo số 113/TB-TTT ngày 04-7-2011 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T về việc thay đổi lãi suất và phí phát hành nhanh của thẻ tín dụng quốc tế Sacombank đối với thẻ tín dụng quốc tế thì tại thời điểm các bên ký hợp đồng mức lãi suất được thỏa thuận đối với tất cả thẻ tín dụng quốc tế Sacombank phát hành cho khách hàng là 2.15%/tháng. Căn cứ Thông báo số 314/TB-TTT ngày 22-5-2012 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín về việc thay đổi lãi suất thẻ tín dụng Family thì tại thời điểm các bên ký hợp đồng mức lãi suất được thỏa thuận đối với thẻ Family phát hành cho khách hàng là 2.5%/tháng. Tại Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng quy định lãi suất quá hạn là 150% lãi suất được áp dụng tại thời điểm hiện tại, tương đương 3.225%/tháng (2.15% x 150%) đối với thẻ Visa Credit Classic và 3.75%/tháng (2.5% x 150%) đối với thẻ Family Local Credit. Do Ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 08-4-2017 ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ gốc 4.212.590 đồng của thẻ Visa Credit Classic 472074-3025 sang nợ quá hạn theo mức lãi suất 3.225%/tháng và chuyển toàn bộ dư nợ gốc 6.116.210 đồng của thẻ của Ông T và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu là 4.212.590 đồng sang nợ quá hạn; đồng thời chấm dứt quyền sử dụng thẻ Family Local Credit 970403-4051 từ ngày 23-3-2017 và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu của thẻ Family Local Credit là 6.116.210 đồng sang nợ quá hạn theo mức lãi suất 3.75%/tháng, được tính trên số nợ gốc tương ứng với thời gian vi phạm nghĩa vụ tạm tính đến ngày 31-5-2022 đối với 02 thẻ tín dụng là 23.009.940 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Về trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ dân sự: Trong vụ án này, Ngân hàng xác định chỉ yêu cầu Ông T có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, không yêu cầu ai cùng với Ông T thực hiện nghĩa vụ dân sự nêu trên. Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện Ông T đã sử dụng số tiền vay để phục vụ nhu cầu cá nhân nên không buộc ai phải cùng có trách nhiệm liên đới đối với khoản nợ của Ông T.

Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Hoàng Minh T thanh toán số tiền của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng tạm tính đến 31 tháng 5 năm 2022 là 33.338.740 đồng (bao gồm nợ gốc 10.328.800 đồng; nợ lãi: 23.009.940 đồng) và Ông T có trách nhiệm tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng đã giao kết kể từ ngày 31 tháng 5 năm 2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Về thời hạn thanh toán: Hội đồng xét xử xét thấy, do Ông T vi phạm thời

hạn trả nợ như thỏa thuận đã ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng yêu cầu Ông T phải thanh toán hết một lần số tiền còn nợ ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ chấp nhận.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:*

Bị đơn ông Hoàng Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.666.937 đồng. Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

[4]. *Quyền kháng cáo:*

Các bên đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 91; Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng TMCP S:

Buộc ông Hoàng Minh T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền còn nợ theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 30-5-2012 tạm tính đến ngày 31-5-2022 là 33.338.740 đồng (bao gồm nợ gốc 10.328.800 đồng; nợ lãi: 23.009.940 đồng). Thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 31-5-2022 cho đến khi thi hành án xong, ông Hoàng Minh T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Hoàng Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.666.937 đồng.

Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 580.554 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0029244 ngày 09-6-2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo:

Ngân hàng TMCP S và ông Hoàng Minh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q. 1;
- CCTHADS Q.1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hồng Hạnh